

Bản án số: 14/2021/HC-ST

Ngày: 28 – 5 - 2021

V/v khiếu kiện quyết định thu hồi,  
bồi thường đất đai.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Ngọc Minh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hữu On và ông Lê Xuân Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thái – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 64/2017/TLST-HC ngày 20 tháng 10 năm 2017 về việc “*khiếu kiện Quyết định hành chính thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-HC ngày 29 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2021/QĐST-HC ngày 14 tháng 5 năm 2021 của TAND tỉnh Phú Yên, giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** Bà Đặng Thị S – sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn HY, xã AT, huyện TA. Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:* Ông Nguyễn Tâm H – Luật sư, văn phòng luật sư H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên.

Địa chỉ: 01/1A đường T, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

**2. Người bị kiện:**

2.1 Ủy ban nhân dân huyện TA, tỉnh Phú Yên.

2.2 Chủ tịch UBND huyện TA, tỉnh Phú Yên.

Đều vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1 Ủy ban nhân dân xã AT, huyện TA;

*Người đại diện theo ủy quyền của UBND xã AT:* Ông Bùi Hữu B – Phó Chủ tịch UBND xã AT, huyện TA. Có mặt.

### 3.2 Trung tâm phát triển quỹ đất huyện TA;

*Người đại diện theo ủy quyền của Trung tâm phát triển quỹ đất: Ông Võ Văn K – Nhân viên trung tâm phát triển quỹ đất huyện TA. Có mặt.*

3.3 Anh Lê Văn H – sinh năm 1989, chị Lê Thị N – sinh năm 1991, anh Lê Văn H – sinh năm 1993, chị Lê Thị Bích P – sinh năm 2002 (là những người con của bà Đặng Thị S, tất cả đều ủy quyền cho bà Đặng Thị S tham gia tố tụng)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Người khởi kiện, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện thống nhất trình bày:*

Diện tích 687,5m<sup>2</sup> tọa lạc tại thôn HY, xã AT, huyện TA có nguồn gốc là do bà Đặng Thị S khai hoang từ trước năm 1993 và sử dụng liên tục để làm nông nghiệp trồng cỏ từ đó đến nay.

Thực hiện Công trình: Kè bờ tả tại khu vực thượng lưu đập ông Tấn, xã AT, huyện TA ban đầu diện tích đất của bà Sáng bị ảnh hưởng thu hồi với diện tích 344m<sup>2</sup>, sau đó thì bị ảnh hưởng thu hồi tiếp 290m<sup>2</sup>, diện tích còn lại hiện nay là 53,5m<sup>2</sup> (diện tích này hiện nay không đủ điều kiện để tiếp tục sản xuất). Trong quá trình triển khai thực hiện Công trình: Kè bờ tả tại khu vực thượng lưu đập ông Tấn, xã AT, huyện TA, UBND huyện TA không ban hành Quyết định thu hồi đất đối với bà Đặng Thị S.

Ngày 25/8/2016 UBND huyện TA ban hành Quyết định số 1179/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường giá trị cây cối hoa màu, các loại tài sản khác để thực hiện Công trình: Kè bờ tả tại khu vực thượng lưu đập ông Tấn, xã AT, huyện TA (đoạn mở rộng đợt 1) theo đó thì chỉ bồi thường cho tôi đối với cây trồng trên diện tích 344m<sup>2</sup> với số tiền 1.720.000 đồng. Do đó, bà Đặng Thị S làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện TA. Ngày 29/3/2017 UBND huyện TA ban hành văn bản số 42/UBND ngày 29/3/2017 chấp nhận bồi thường về đất đối với diện tích 344m<sup>2</sup> thu hồi ban đầu và diện tích 290m<sup>2</sup> thu hồi bổ sung với tổng số tiền 25.360.000 đồng. Nhưng không ban hành Quyết định thu hồi đất và không bồi thường đối với cây trồng trên diện tích 290m<sup>2</sup> thu hồi bổ sung. Đồng thời diện tích 53,5m<sup>2</sup> còn lại không đủ điều kiện để tiếp tục sản xuất nhưng UBND huyện TA không thu hồi, bồi thường đối với diện tích đất còn lại này.

Do đó, người khởi kiện đơn khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án:

- Hủy văn bản số 242/UBND ngày 11/9/2017 của Chủ tịch UBND huyện TA. Hủy Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của UBND huyện TA “Về việc phê duyệt phương án bồi thường giá trị đất đai, để thực hiện Công trình: Kè bờ tả tại khu vực thượng lưu đập ông Tấn, xã AT, huyện TA”; Hủy một phần Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 25/8/2016 của UBND huyện TA “Về

việc phê duyệt phương án bồi thường giá trị cây cối hoa màu, các loại tài sản khác để thực hiện Công trình: Kè bờ tả tại khu vực thượng lưu đập ông Tấn, xã AT, huyện TA (đoạn mở rộng đợt 1)”; Huy quyết định chi trả tiền bồi thường số 1697/QĐ-UBND ngày 03/8/2017 của UBND huyện TA;

- Buộc UBND huyện TA tiến hành các thủ tục lập phương án thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích thực tế 687,5m<sup>2</sup> bà Sáng đang khiếu kiện bị ảnh hưởng thu hồi để thực hiện công trình Công trình: Kè bờ tả tại khu vực thượng lưu đập ông Tấn, xã AT, huyện TA đúng quy định của pháp luật.

*Người bị kiện UBND huyện TA, Chủ tịch UBND huyện TA trình bày:*

Phần diện tích 290m<sup>2</sup> (ngoài dự án) phía sông HY do ảnh hưởng của lũ năm 2006 làm ảnh hưởng bồi lấp phần diện tích đất nêu trên và ảnh hưởng chân khay của kè, nên ngày 08/12/2016 Chủ đầu tư chủ trì phối hợp với đại diện UBND huyện TA, đại diện Tư vấn giám sát, đại diện Tư vấn thiết kế và đại diện đơn vị thi công đi khảo sát và có biên bản xử lý hiện trường thống nhất bổ sung gia cố sân đoạn tiếp giáp giữa mái kè với sân đập HY và đoạn giữa hồ thu cống tiêu với kênh tưới nướ bằng bê tông xi măng. Ngày 29/3/2017, bà Sáng có gửi đơn yêu cầu đền bù đất bờ kè gửi UBND xã AT, nội dung đơn: Công trình thi công đập ông Tấn tự ý đổ bê tông trên diện tích đất còn lại nằm ngoài vành đai thu hồi đất để thực hiện làm kè.

Ngày 12/4/2017, UBND xã AT chủ trì phối hợp với Chủ đầu tư, giám sát công trình và bà Sáng, xác định phần diện tích do công trình thi công là 290m<sup>2</sup> có xác nhận của bà Sáng. Vì vậy việc đề nghị bồi thường đúng diện tích của bà Sáng là không có cơ sở.

Phần diện tích 290m<sup>2</sup> ngoài dự án thuộc thửa đất số 05, tờ bản đồ mảnh trích đo chỉnh lý số 01/2016, chủ sử dụng đất: Do UBND xã AT quản lý. Thửa đất có tổng diện 687,7m<sup>2</sup>, trong đó: Diện tích trong dự án: 344m<sup>2</sup> đã được UBND huyện có văn bản số 42/UBND ngày 29/3/2017 đồng ý bồi thường cho bà Sáng theo khoản 2, Điều 77 Luật đất đai 2013 khi thực hiện xây dựng dự án: Kè bờ tả tại khu vực thượng lưu Đập ông Tấn (giai đoạn 2).

Căn cứ trích biên bản cuộc họp UBND xã AT ngày 15/3/2017 và 19/6/2017; Báo cáo số 14/BC-UBND ngày 21/3/2017, Tờ trình số 60/TTr-UBND của UBND xã AT xác định thửa đất số 05, bà Đặng Thị S sử dụng trước ngày 01/7/2004 đến nay, không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ theo khoản 2, Điều 77, Luật đất đai 2003 quy định: Đối với đất nông nghiệp đã sử dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng không có giấy chứng nhận hoặc không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng, diện tích bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 của Luật này.

Căn cứ Công văn số 766/STNMT-QLĐĐ ngày 04/3/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên, về việc phúc đáp Công văn số 41/TTPTQĐ ngày 09/3/2017 và công văn số 44/TTPTQĐ ngày 17/3/2017 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện TA. “Đối với đất chưa sử dụng mà hộ gia đình cá nhân lấn chiếm trước ngày 01/7/2004 sử dụng vào mục đích nông nghiệp, nếu hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì được bồi thường về đất theo quy định tại Khoản 2 Điều 77, Luật đất đai năm 2013 nhưng không hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo quy định tại Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP và không hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP”. Từ những cơ sở nêu trên, việc khiếu nại của bà Sáng đề nghị hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất sản xuất nông nghiệp là không có cơ sở.

Về việc đề nghị bồi thường cây trồng trên đất (cỏ sữa) trên diện tích 290m<sup>2</sup>: Theo báo cáo số 24/BC-UBND ngày 14/4/2017 của UBND xã AT nội dung đơn bà Sáng Công trình thi công đập ông Tấn tự ý đổ bê tông trên diện tích đất còn lại nằm ngoài vành đai thu hồi đất để thực hiện làm kè.

Qua kiểm tra thực địa: Hiện trạng vị trí đất bà Sáng đang khiếu kiện yêu cầu bồi thường là phần đất còn lại nằm ngoài dự án (phía sông HY) do ảnh hưởng của lũ năm 2016 làm ảnh hưởng bồi lấp phần diện tích trên và ảnh hưởng chân khay của kè và đã được đổ bê tông xi măng diện tích 290m<sup>2</sup> (trước khi UBND huyện TA cho phép bồi thường bổ sung phần diện tích đất này). Vì vậy việc đề nghị bồi thường cây trồng trên đất (cỏ sữa) là không có cơ sở.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã AT trình bày:*

Theo biên bản họp UBND xã AT ngày 19/6/2017 thì toàn bộ diện tích 687,5m<sup>2</sup> bà Sáng đang khiếu kiện thuộc thửa đất số 05 (Theo kết quả đo đạc bản đồ được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 19/7/2016) được quy chủ cho bà Đặng Thị S. Nguồn gốc: Do bà Đặng Thị S trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng đất trước năm 1993, sử dụng ổn định, liên tục không ai tranh chấp.

Tại thời điểm thực hiện công trình kè bờ tả tại khu vực thượng lưu đập ông Tấn thuộc dự án Hệ thống thoát lũ bảo vệ dân cư dọc Sông Kỳ Lọ giai đoạn 2 thì toàn bộ diện tích của bà Sáng đang trồng cỏ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất huyện TA trình bày:* Thống nhất theo quan điểm giải quyết của UBND huyện TA.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các bên đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính bị kiện. Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

#### **Tại phiên tòa:**

Các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm trình bày.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định pháp luật; Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ điểm b, khoản 2, điều 193 Luật tố tụng hành chính bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự, đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Người bị kiện UBND huyện TA, chủ tịch UBND huyện TA vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 158 Bộ luật tố tụng hành chính, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết của Tòa án*: Ngày 09/10/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án bà Đặng Thị S nộp đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy văn bản số 242/UBND ngày 11/9/2017 của Chủ tịch UBND huyện TA. Hủy Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của UBND huyện TA “Về việc phê duyệt phương án bồi thường giá trị đất đai, để thực hiện Công trình: Kè bờ tả tại khu vực thượng lưu đập ông Tấn, xã AT, huyện TA”; Hủy một phần Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 25/8/2016 của UBND huyện TA “Về việc phê duyệt phương án bồi thường giá trị cây cối hoa màu, các loại tài sản khác để thực hiện Công trình: Kè bờ tả tại khu vực thượng lưu đập ông Tấn, xã AT, huyện TA (đoạn mở rộng đợt 1)”; Hủy quyết định chi trả tiền bồi thường số 1697/QĐ-UBND ngày 03/8/2017 của UBND huyện TA;

- Buộc UBND huyện TA tiến hành các thủ tục lập phương án thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích thực tế 687,5m<sup>2</sup> bà sáng đang khiếu kiện bị ảnh hưởng thu hồi để thực hiện công trình Công trình: Kè bờ tả tại khu vực thượng lưu đập ông Tấn, xã AT, huyện TA đúng quy định của pháp luật.

Ngày 20/10/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 32 và Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] *Xét nguồn gốc, hiện trạng sử dụng đất đối với diện tích 687,5m<sup>2</sup> bà Sáng đang khiếu kiện yêu cầu được bồi thường, hỗ trợ*: Ngày 15/03/2017 UBND xã AT tiến hành họp quy chủ nguồn gốc đất (BL 178) quy chủ toàn bộ diện tích 687,5m<sup>2</sup> có nguồn gốc là của bà Đặng Thị S sử dụng ổn định liên tục từ trước năm 1993 cho đến khi nhà nước thu hồi nên đủ điều kiện được bồi thường về đất. Ngày 19/06/2017 UBND xã AT có tờ trình số 60/Tr-UBND đề nghị UBND huyện TA thu hồi đất. Mặc khác, trong quá trình giải quyết kiến nghị, khiếu nại người bị kiện UBND huyện TA công nhận diện tích nêu trên của bà Đặng Thị S

đủ điều kiện được bồi thường. Mặc khác Trong quá trình giải quyết kiến nghị, khiếu nại và trong quá trình giải quyết vụ án người bị kiện UBND huyện TA, Chủ tịch UBND huyện TA; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất huyện TA đều công diện tích đất nêu trên đủ điều kiện được bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi. Tại biên bản kiểm kê ngày 05/8/2016 (BL 114) và biên bản xác minh ngày 29/4/2021 tại UBND xã AT (Bl 195) đều thể hiện tại thời điểm nhà nước thu hồi đất thì trên toàn bộ diện tích đất đang được trồng cỏ.

[3.1] Ngày 03/8/2016 UBND huyện TA ban hành thông báo thu hồi đất số 226/TB-UBND để thông báo cho bà Sáng biết: Thời gian điều tra, khảo sát, kiểm đếm để lập phương án bồi thường là từ ngày 06/8/2016 – 22/8/2016. Tuy nhiên, ngày ngày 25/8/2016 UBND huyện TA ban hành Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 25/8/2016 của UBND huyện TA “Về việc phê duyệt phương án bồi thường giá trị cây cối hoa màu, các loại tài sản khác để thực hiện Công trình: Kè bờ tả tại khu vực thượng lưu đập ông Tấn, xã AT, huyện TA (đoạn mở rộng đợt 1) và ngày 30/6/2017 UBND huyện TA ban hành Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của UBND huyện TA “Về việc phê duyệt phương án bồi thường giá trị đất đai, để thực hiện Công trình: Kè bờ tả khu vực thượng lưu đập ông Tấn, xã AT, huyện TA” trong khi chưa ban hành Quyết định thu hồi đất là không đúng quy tại khoản 1 Điều 67 Luật đất đai 2013 “*Trước khi có quyết định thu hồi đất, chậm nhất là 90 ngày đối với đất nông nghiệp và 180 ngày đối với đất phi nông nghiệp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thông báo thu hồi đất cho người có đất thu hồi biết. Nội dung thông báo thu hồi đất bao gồm kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm*” và điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai 2013 “*a) Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 66 của Luật này quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày*”.

[3.2] Mặc khác, theo bảng tính chi tiết (bổ sung) ngày 30/6/2017 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện TA (Bl 172) thì diện tích đất bà Sáng được bồi thường là 634m<sup>2</sup> (344 + 290) với số tiền là 25.360.000 đồng. Tuy nhiên tại Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của UBND huyện TA “Về việc phê duyệt phương án bồi thường giá trị đất đai, để thực hiện Công trình: Kè bờ tả khu vực thượng lưu đập ông Tấn, xã AT, huyện TA” (BL 110) thể hiện UBND huyện TA chỉ phê duyệt phương án bồi thường đối với diện 290m<sup>2</sup> (số tiền 25.360.000 đồng) mà không thể hiện phê duyệt phương án bồi thường đối với diện tích 344m<sup>2</sup> là không đúng quy định.

[4] Xét yêu cầu đề nghị thu hồi, bồi thường đối với diện tích 53,5m<sup>2</sup> còn lại: Tại biên bản xác minh ngày 29/4/2021 tại UBND huyện TA, đại diện lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện TA cũng công nhận diện tích 53,5m<sup>2</sup> còn lại nêu trên không đủ điều kiện để tiếp tục sản xuất. Căn cứ quy định tại Điều 8 của Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh Phú Yên “*Trường hợp người bị Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà diện tích còn lại của thửa đất sau khi Nhà nước thu hồi không đủ điều kiện để tiếp tục sản xuất, nếu người bị thu hồi đất có đơn đề nghị Nhà nước thu hồi*

phần diện tích đất nông nghiệp còn lại phù hợp với thực tế thì cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện thu hồi, bồi thường, hỗ trợ theo quy định, giao diện tích đất thu hồi cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chủ trì, phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường, phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế), Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bị thu hồi xác định bằng văn bản diện tích đất còn lại không đủ điều kiện sản xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, kết luận.” thì yêu cầu đề nghị thu hồi, bồi thường đối với diện tích 53,5m<sup>2</sup> còn lại của người khởi kiện là có cơ sở.

[5] Từ những nhận định nêu trên HĐXX nhận thấy: Do không ban hành Quyết định thu hồi đất nên dẫn đến các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với bà Đặng Thị S cũng không đúng. Nên yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị S là có cơ sở để chấp nhận: Hủy các quyết định hành chính bị khởi kiện và Buộc UBND huyện TA lập phương án thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích bà Sáng đang khiếu kiện bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng để thực hiện Công trình: Kè bờ tả khu vực thượng lưu đập ông Tấn, xã AT, huyện TA đúng quy định pháp luật.

[6] Về án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện nên người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định. Người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Áp dụng điều 30, 32, 116; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 348 và 358 Luật tổ tụng hành chính; Khoản 2 Điều 66, khoản 1 Điều 67 Luật đất đai 2013; điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai 2013; Điều 8 của Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh Phú Yên; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.**

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của bà Đặng Thị S đối với các yêu cầu:

- Hủy văn bản số 242/UBND ngày 11/9/2017 của Chủ tịch UBND huyện TA. Hủy Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của UBND huyện TA “Về việc phê duyệt phương án bồi thường giá trị đất đai, để thực hiện Công trình: Kè bờ tả tại khu vực thượng lưu đập ông Tấn, xã AT, huyện TA”; Hủy một phần Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 25/8/2016 của UBND huyện TA “Về việc phê duyệt phương án bồi thường giá trị cây cối hoa màu, các loại tài sản khác để thực hiện Công trình: Kè bờ tả tại khu vực thượng lưu đập ông Tấn, xã AT, huyện TA (đoạn mở rộng đợt 1)”; Hủy quyết định chi trả tiền bồi thường số 1697/QĐ-UBND ngày 03/8/2017 của UBND huyện TA;

- Buộc UBND huyện TA tiến hành các thủ tục lập phương án thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích thực tế 687,5m<sup>2</sup> bà sáng đang khiếu kiện bị ảnh hưởng thu hồi để thực hiện công trình Công trình: Kè bờ tả tại khu vực thượng lưu đập ông Tấn, xã AT, huyện TA đúng quy định pháp luật.

Về án phí: Ủy ban nhân dân huyện TA, Chủ tịch UBND huyện TA phải liên đới chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Đặng Thị S 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm, đã nộp biên lai số AA/2015/0008378 ngày 20/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng: Ủy ban nhân dân huyện TA, Chủ tịch UBND huyện TA phải liên đới chịu 2.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Người khởi kiện bà Đặng Thị S đã tạm ứng 2.000.000 đồng, nên Ủy ban nhân dân huyện TA, Chủ tịch UBND huyện TA phải hoàn trả cho bà Đặng Thị S 2.000.000 đồng.

Thời hạn, trình tự thủ tục thi hành và xử lý trách nhiệm với người không thi hành bản án, quyết định của Tòa án được thực hiện theo Nghị định 71/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- Cục THADS tỉnh Phú Yên (1);
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh (1);
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, VT, hồ sơ vụ án (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Ngọc Minh**